

**TÒA ÁN NHÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39 /2022/DS-ST

Ngày: 13 – 5 – 2022

V/v tranh chấp hợp đồng  
dân sự tín dụng

**NDANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Trung.

*Các Hội thẩm Dân:* Ông Ngô Văn Khon.

Ông Nguyễn Hoàng Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Anh Thư là Thư ký Tòa án Nhân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát Nhân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Xuân là Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án Nhân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Q Việt Nam (VIB).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của ông Hàn Ngọc V: Bà Trần Thị Thu H, Chức vụ: Giám đốc TTQLN NHBL –VIB là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 27869.20 ngày 04/01/2021).

Địa chỉ: Tầng X, Tầng XX, Tòa nhà S – Y, Phường B, Quận T, Tp. H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Thu H: Anh Phạm Quy T, anh Trần Hoàng V, anh Nguyễn Hải T, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q Việt Nam là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 47750.21 ngày 15/7/2021).

Địa chỉ: Tầng Q, Tòa nhà P, số XC, Ung Văn K, Phường Z, Quận B, Tp.

H.

- Bị đơn: Anh Võ Thanh N, sinh năm 1988.

Địa chỉ cư trú: Số B, ấp N, xã A, huyện T, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền anh Nguyễn Hải T có mặt, anh Võ Thanh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q Việt Nam (VIB) trình bày:*

Ngày 30/7/2018, Ngân hàng thương mại cổ phần Q Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng) đã ký kết với ông Võ Thanh N hợp đồng tín dụng số 461521.HDTD802.18 với nội dung: Ngân hàng cho anh Võ Thanh N vay số tiền 180.000.000 đồng; mục đích giải ngân: Tín chấp; Thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày ngân đến ngày 08/8/2023; Lãi suất tại thời điểm giải ngân là: 15,5%/năm, cố định trong suốt thời gian vay vốn, trừ trường hợp thay đổi theo quy định tại Hợp đồng; số tiền phải trả hàng tháng (bao gồm gốc và lãi): 4.329.574 đồng; ngày đến hạn trả tiền hàng tháng: 12. Ngày 08/8/2018 Ngân hàng đã giải ngân cho anh Võ Thanh N theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 461521.KUNN802.18 với số tiền 180.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của anh N và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

Căn cứ Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng, Đăng ký phát hành thẻ tín dụng Q của anh Võ Thanh N, các văn bản của anh Võ Thanh N ký với Ngân hàng về việc sử dụng thẻ tín dụng. Ngày 26/7/2018, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho anh Võ Thanh N chi tiết như sau: Số tài khoản thẻ 512824xxxx1511; loại thẻ Finalcial Free; hạn mức thẻ 20.000.000 VNĐ; lãi suất, phí theo Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng.

Quá trình sử dụng khoản vay và thẻ tín dụng anh N đã vi phạm các nội dung thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng, Đăng ký phát hành thẻ tín dụng Q của anh Võ Thanh N, các văn bản của anh Võ Thanh N đã ký và bị quá hạn thanh toán kể từ ngày 26/8/2019. Tính đến ngày 13/5/2022 anh Võ Thanh N còn nợ Ngân hàng tổng cộng gốc và lãi là 298.124.254 đồng (Hai trăm chín mươi tám triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn, hai trăm năm mươi bốn đồng), trong đó:

+ Hợp đồng tín dụng: Nợ gốc là 154.417.534 đồng; lãi trong hạn 47.394.024 đồng; lãi quá hạn 32.873.092 đồng. Tổng cộng 234.684.650 đồng.

+ Thẻ tín dụng: Nợ gốc 18.700.000 đồng; lãi trong hạn 7.898.400 đồng; lãi quá hạn 36.841.204 đồng. Tổng cộng 63.439.604 đồng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Võ Thanh N trả cho Ngân hàng tổng cộng gốc và lãi là 298.124.254 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong nợ.

- *Bị đơn anh Võ Thanh N trình bày:* Anh Võ Thanh N không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

\* Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử đúng quy định của pháp luật. Đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện anh Võ Thanh N có ký với Ngân hàng Bản thỏa thuận mở và sử dụng thẻ tín dụng ngày 26/7/2018, hạn mức 20.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 461521.HDTD802.18 ngày 30/7/2018, số tiền vay 180.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ và thực hiện hợp đồng tín dụng, anh N vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng là có cơ sở chấp nhận.

*Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:*

- Đơn khởi kiện ngày 15/7/2021 (Bản chính); Đơn xin xác nhận thường trú của đương sự (Bản chính); Giấy ủy quyền (Bản chính); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Bản photo); Quyết định tiếp nhận chính thức đối với bà Trần Thị Thu H (Bản sao); Thông báo thu hồi dư nợ (Bản sao); Thông báo khởi kiện yêu cầu trả nợ (Bản chính); Đăng ký phát hành thẻ (Bản sao); Chứng minh Nhân dân, Sổ hộ khẩu anh Võ Thanh N (Bản photo); Hợp đồng lao động (Bản photo); Giấy đề nghị chứng nhận tạm trú (Bản photo); Bản tự khai ngày 07/01/2022 (Bản chính), Biên bản lấy lời khai ngày 23/3/2022 (Bản chính).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q Việt Nam và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Anh Võ Thanh N cư trú tại ấp N, xã A, huyện T, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

## [2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng số 461521.HDTD802.18 ngày 30/7/2018 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 26/7/2018.

Xét thấy, Ngân hàng và anh Võ Thanh N đã ký kết hợp đồng tín dụng ngày 30/7/2018 và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng ngày 26/7/2018. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Ngân hàng thương mại cổ phần Q Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0100233488. Anh Võ Thanh N có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định. Do đó, khi ký kết Hợp đồng tín dụng và đăng ký thẻ tín dụng thì Ngân hàng và anh Võ Thanh N đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của Hợp đồng không trái với đạo đức xã hội nên Hợp đồng tín dụng số 461521.HDTD802.18 ngày 30/7/2018 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 26/7/2018 có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 117 của Bộ luật dân sự 2015.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Q Việt Nam về việc yêu cầu anh Võ Thanh N trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi đối với Hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ là 298.124.254 đồng (Hai trăm chín mươi tám triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn, hai trăm năm mươi bốn đồng). Yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 14/5/2022 theo thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Xét thấy, sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng đã giải Ngân cho anh N số tiền 180.000.000 đồng và thẻ tín dụng số tiền 20.000.000 đồng. Theo thỏa thuận, anh N có trách nhiệm trả gốc và lãi theo quy định cho Ngân hàng. Tuy nhiên, anh N không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Như vậy, anh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ đã ký kết. Do đó, Ngân hàng yêu cầu anh Võ Thanh N trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 173.117.534 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

Về lãi suất: Tại Hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ đã ký kết, giữa Ngân hàng và anh N có thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn. Do đó, Ngân hàng yêu cầu anh N trả số tiền lãi là 125.006.720 đồng và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 14/5/2022 theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 357, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng cho anh N, nhưng anh N không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án. Do đó, anh N phải tự chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình và phải chịu trách nhiệm đối với khoản vay theo lời trình bày của Ngân hàng.

Từ những phân tích đã nêu trên, Ngân hàng thương mại cổ phần Q Việt Nam yêu cầu anh Võ Thanh N thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 298.124.254 đồng (Hai trăm chín mươi tám triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn, hai trăm năm mươi bốn đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 14/5/2022 theo thỏa thuận tại các Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên anh Võ Thanh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Khoản 1 Điều 117, khoản 1 Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q Việt Nam.

- Buộc bị đơn anh Võ Thanh N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q Việt Nam số tiền theo hợp đồng tín dụng số 461521.HDTD802.18 ngày 30/7/2018 và sử dụng thẻ tín dụng ngày 26/7/2018 tính đến ngày 13/5/2022: Nợ gốc là 173.117.534 đồng, lãi trong hạn là 55.292.424 đồng, lãi quá hạn là 69.714.296 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 298.124.254 đồng (*Hai trăm chín mươi tám triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn, hai trăm năm mươi bốn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Võ Thanh N phải chịu 14.906.000 đồng (*Mười bốn triệu, chín trăm lẻ sáu nghìn đồng*).

Trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.982.000 đồng (*Năm triệu, chín trăm tám mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001274 ngày 22/11/2021 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Minh Trung**

